TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BèNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1034/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dõn sự:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981

  Địa chỉ: 1 H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dõn sự:* Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1982

  Địa chỉ: 1 H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, bà Nguyễn Thi M và ông Lương Văn Đ có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà M và ông Đ có địa chỉ cư trú tại quận T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà M và ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/3/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Ngày 21/11/2023, bà M và ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/01/2024, bà M và ông Đ cùng thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lương Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lương Thị Phương A, sinh ngày 26/8/2017 và Lương Hoàng L, sinh ngày 25/10/2019 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lương Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc thuận tình ly hôn của bà M và ông Đ là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Bà M và ông Đ cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lương Văn Đ.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lương Thi Phương A, sinh ngày 26/8/2017 và Lương Hoàng L, sinh ngày 25/10/2019 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lương Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí ly hôn: Bà Nguyễn Thi M và ông Lương Văn Đ cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024180 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 29/3/2016).
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÔ TRẦN ÁI VY